| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**T PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25- 4-2019
V/v: "Ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Hải Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Thanh Hiền

2. Ông Hà Đình Chỉnh

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Thư ký Toà án nhân dân T phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 25-02-2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị H - Sinh năm 1981. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Duy T (Tên gọi khác: Quốc Chiến) - Sinh năm 1982. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C 1 (nay là Thôn T), xã A, Thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 25-02-2019; bản tự khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Duy T kết hôn ngày 23-3-2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, Thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xảy ra cãi vã. Anh chị và gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không T. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Tại bản tự khai bị đơn anh Trịnh Duy T trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Trịnh Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Duy T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C 1 (nay là thôn T), xã A, Thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Mai Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Yên Bái.

Anh Trịnh Duy T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Trịnh Duy T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, Thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 23-3-2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã tự hòa giải và được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T tự viết bản tự khai, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về hôn nhân: Chị Mai Thị H được ly hôn anh Trịnh Duy T (tức Quốc C)

**2.** Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002166 ngày 25-02-2019 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND Tp. Yên Bái;
- Chi cục THADS Tp. Yên Bái;
- UBND xã Âu Lâu, TP. Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hoàng Hải Anh**